

Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê về bệnh tim và đột quỵ năm 2026

Giới tính, chủng tộc, Dân tộc và Bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Tờ thông tin này so sánh dữ liệu về yếu tố nguy cơ và bệnh tật ở người trưởng thành ở Hoa Kỳ. Dữ liệu về tỷ lệ hiện mắc được lấy từ Khảo sát kiểm tra sức khỏe và dinh dưỡng quốc gia (NHANES - National Health and Nutrition Examination Survey). Số liệu về tỷ lệ tử vong được lấy từ Hệ thống thống kê sinh tử quốc gia (NVSS - National Vital Statistics System) và tỷ lệ tử vong điều chỉnh theo độ tuổi được lấy từ CDC WONDER để biết dữ liệu mới nhất có tại thời điểm Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê được viết. Dữ liệu về tỷ lệ mắc mới được lấy từ nhiều nguồn khác nhau. Vui lòng tham khảo tài liệu Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê đầy đủ để biết nguồn và thông tin bổ sung.

Việc so sánh sử dụng cùng một dữ liệu được thực hiện trong các bảng sau đây để làm nổi bật sự khác biệt giữa và trong giới tính, chủng tộc và dân tộc.

Mục lục

Tổng thể, tổng số nam, tổng số nữ.....	2
Nam giới theo tổng số và cá nhân chủng tộc và dân tộc.....	5
Nữ giới theo tổng số và cá nhân chủng tộc và dân tộc.....	8
Chủng tộc và dân tộc cá nhân theo nam và nữ.....	11
Người da trắng không phải gốc Tây Ban Nha theo nam và nữ.....	11
Người da đen không phải gốc Tây Ban Nha theo nam và nữ.....	14
Người gốc Tây Ban Nha theo nam và nữ.....	17
Người châu Á không phải gốc Tây Ban Nha theo nam và nữ.....	20
Người Mỹ bản địa/người Alaska bản địa không phải gốc Tây Ban Nha, không có thông tin theo nam và nữ.....	23
Người Hawaii bản địa hoặc người dân đảo Thái Bình Dương không phải gốc Tây Ban Nha, không có thông tin theo nam và nữ.....	24
Trích dẫn và ghi chú bổ sung	25

Tổng thể, tổng số nam, tổng số nữ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Cả hai giới	Tổng số nam	Tổng số nữ
Thừa cân và béo phì			
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023			
Béo phì, BMI ≥30,0 kg/m2†	40,3%	39,3%	41,4%
Cholesterol máu			
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023			
TC ≥200 mg/dL‡	91,2 triệu (36,1%)	42,3 triệu (35,0%)	48,9 triệu (37,1%)
TC ≥240 mg/dL‡	28,7 triệu (11,3%)	13,4 triệu (11,1%)	15,3 triệu (11,3%)
HDL-C <40 mg/dL‡	34,9 triệu (14,1%)	26,4 triệu (21,7%)	8,5 triệu (6,8%)
Tỷ lệ hiện mắc, 2017–2020			
LDL-C ≥130 mg/dL‡	63,1 triệu (25,5%)	30,3 triệu (25,6%)	32,8 triệu (25,4%)
Cao huyết áp			
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023†	125,9 triệu (47,3%)	65,6 triệu (51,6%)	60,3 triệu (42,9%)
Tử vong, 2023§,¶ (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023¶)	132.827 (31,9 trên 100.000)	64.812 (48,8%)¶ (35,5 trên 100.000)	68.015 (51,2%)¶ (28,3 trên 100.000)
Đái tháo đường			
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023			
Bệnh đái tháo đường được chẩn đoán†	29,5 triệu (10,6%)	15,0 triệu (11,3%)	14,5 triệu (10,0%)
Bệnh đái tháo đường chưa được chẩn đoán†	9,6 triệu (3,5%)	5,4 triệu (4,1%)	4,2 triệu (2,9%)
Tiền đái tháo đường†	96,0 triệu (37,2%)	53,6 triệu (42,5%)	42,4 triệu (31,7%)
Tỷ lệ mắc mới, bệnh đái tháo đường được chẩn đoán, 2021**	1,2 triệu	620.000	591.000

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.
©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Cả hai giới	Tổng số nam	Tổng số nữ
Tử vong, 2023\$,II (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023II)	95.190 (22,4 trên 100.000)	54.665 (57,4%)¶ (28,4 trên 100.000)	40.525 (42,6%)¶ (17,3 trên 100.000)
Tất cả các ca CVD			
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	130,6 triệu (48,9%)	68,7 triệu (53,7%)	61,9 triệu (44,1%)
Tử vong, 2023\$,II (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023II)	915.973 (218,3 trên 100.000)	482.719 (52,7%)¶ (263,0 trên 100.000)	433.254 (47,3%)¶ (180,2 trên 100.000)
Đột quỵ			
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	9,0 triệu (3,0%)	4,7 triệu (3,3%)	4,3 triệu (2,6%)
Đột quỵ mới và tái phát, 1999\$	795,0 nghìn	370,0 nghìn (46,5%)¶	425,0 nghìn (53,5%)¶
Tử vong, 2023\$ (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023II)	162.639 (39,0 trên 100.000)	70.920 (43,6%)¶ (39,3 trên 100.000)	91.719 (56,4%)¶ (38,1 trên 100.000)
CHD			
Tỷ lệ hiện mắc, CHD, 2021–2023†	15,9 triệu (5,2%)	9,9 triệu (6,9%)	6,0 triệu (3,7%)
Tỷ lệ hiện mắc, MI, 2021–2023†	8,5 triệu (2,6%)	5,7 triệu (3,8%)	2,8 triệu (1,6%)
Tử vong, 2023, CHD\$, II (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023II)	349.470 (82,2 trên 100.000)	212.218 (60,7%)¶ (113,5 trên 100.000)	137.252 (39,3%)¶ (56,8 trên 100.000)
Tử vong, 2023, MI\$,II (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023II)	93.345 (21,9 trên 100.000)	56.429 (60,5%)¶ (29,5 trên 100.000)	39.916 (39,5%)¶ (15,4 trên 100.000)
HF			
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	7,7 triệu (2,5%)	4,3 triệu (3,0%)	3,4 triệu (2,1%)
Tử vong, 2023\$,II (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023II)	89.795 (21,6 trên 100.000)	43.101 (48,0%)¶ (24,6 trên 100.000)	46.694 (52,0%)¶ (19,1 trên 100.000)

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.
©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

BMI là chỉ số khối cơ thể; CHD là bệnh tim mạch vành (bao gồm nhồi máu cơ tim, đau thắt ngực hoặc cả hai); CVD là bệnh tim mạch; dấu ba chấm (...), dữ liệu không có sẵn; HBP là cao huyết áp; HDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ cao; HF là suy tim; LDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ thấp; MI là nhồi máu cơ tim (đau tim); NH là người không phải gốc Tây Ban Nha; và TC là tổng cholesterol.

Chú thích cuối trang được lấy từ các bảng 29-1 và 29-2 trong Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê năm 2026. Không phải tất cả các chú thích cuối trang được liệt kê bên dưới đều xuất hiện trong mỗi bảng phụ trong tờ thông tin này.

*Số lượng tử vong trong Bản cập nhật số liệu thống kê được kết hợp theo giới tính đối với một số danh mục chủng tộc do số lượng trong các danh mục này thấp và do đó không có sẵn theo giới tính. Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi có sẵn theo giới tính đối với một số loại chủng tộc/dân tộc.

[†]Tuổi ≥ 20 tuổi.

[‡]Tổng số dữ liệu về TC dành cho người Mỹ ≥ 20 tuổi. Dữ liệu về LDL-C, HDL-C và tất cả các nhóm chủng tộc và dân tộc được điều chỉnh theo độ tuổi ≥ 20 tuổi.

[§]Mọi lứa tuổi.

^{||}Tử vong đối với người gốc Tây Ban Nha, người Mỹ bản địa hoặc người Alaska bản địa không phải gốc Tây Ban Nha (NH), người châu Á không phải gốc Tây Ban Nha (NH), và người Hawaii hoặc người dân đảo Thái Bình Dương khác không phải gốc Tây Ban Nha (NH) cần được xem xét thận trọng do sự không nhất quán trong báo cáo. Tử vong và tỷ lệ tử vong được tính theo nguyên nhân tử vong chính.

[¶]Những tỷ lệ phần trăm này đại diện cho phần tổng tỷ lệ mới mắc hoặc tỷ lệ tử vong giữa nam và nữ.

[#]Bao gồm người Trung Quốc, người Philippines, người Nhật và người châu Á khác.

^{**}Tuổi ≥ 18 tuổi.

^{††}Các ước tính bao gồm chủng tộc gốc Tây Ban Nha và không phải gốc Tây Ban Nha. Ước tính chủng tộc Da trắng bao gồm các chủng tộc không phải Da đen khác.

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.

©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Nam giới theo tổng số và cá nhân chủng tộc và dân tộc

Lưu ý: Số lượng tử vong trong Bản cập nhật số liệu thống kê được kết hợp giữa nam và nữ đối với các nhóm người Mỹ bản địa không phải gốc Tây Ban Nha/người bản địa Alaska và người Hawaii bản địa không phải gốc Tây Ban Nha hoặc người dân đảo Thái Bình Dương. Vì vậy, họ không được đưa vào dữ liệu về tỷ lệ tử vong theo giới tính dưới đây.

Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi không được đưa vào cho mọi chủ đề hoặc cho mọi nhóm chủng tộc trong Bản cập nhật số liệu thống kê.

Các bảng dưới đây chỉ phản ánh nội dung được công bố trong Bản cập nhật số liệu thống kê. Bạn có thể tìm thêm thông tin về số lượng và tỷ lệ tử vong trên [CDC WONDER](#) (trang web bằng Tiếng Anh).

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Tổng số nam	Nam giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha	Nam giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha	Nam giới gốc Tây Ban Nha	Nam giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha	Nam giới người Mỹ bản địa/người bản địa Alaska không phải gốc Tây Ban Nha*	Nam giới người Hawaii bản địa hoặc người đảo Thái Bình Dương không phải gốc Tây Ban Nha*
Thừa cân và béo phì							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023							
Béo phì, BMI ≥30,0 kg/m ² †	39,3%	...	...	...	...	...	...
Cholesterol máu							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023							
TC ≥200 mg/dL‡	42,3 triệu (35,0%)	34,8%	32,0%	36,7%	43,6%	...	...
TC ≥240 mg/dL‡	13,4 triệu (11,1%)	10,9%	10,2%	11,9%	14,2%	...	...
HDL-C <40 mg/dL‡	26,4 triệu (21,7%)	21,4%	19,4%	20,8%	17,4%	...	
Tỷ lệ hiện mắc, 2017–2020							
LDL-C ≥130 mg/dL‡	30,3 triệu (25,6%)	25,0%	26,4%	23,7%	31,5%	...	...
Cao huyết áp							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	65,6 triệu (51,6%)	50,4%	62,3%	51,5%	47,3%	...	...
Tử vong, 2023§, (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	64.812 (48,8%)¶ (35,5 trên 100.000)	44.828 (33,8 trên 100.000)	11.549 (65,0 trên 100.000)	5291 (27,2 trên 100.000)	1871# (19,9 trên 100.000)	...	...

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.

©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Tổng số nam	Nam giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha	Nam giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha	Nam giới gốc Tây Ban Nha	Nam giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha	Nam giới người Mỹ bản địa/người bản địa Alaska không phải gốc Tây Ban Nha*	Nam giới người Hawaii bản địa hoặc người đảo Thái Bình Dương không phải gốc Tây Ban Nha*
Đái tháo đường							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023							
Bệnh đái tháo đường được chẩn đoán†	15,0 triệu (11,3%)	9,9%	17,9%	11,7%	11,1%	...	...
Bệnh đái tháo đường chưa được chẩn đoán†	5,4 triệu (4,1%)	3,7%	5,4%	4,2%	4,9%	...	...
Tiền đái tháo đường†	53,6 triệu (42,5%)	40,8%	35,2%	51,3%	40,3%	...	...
Tỷ lệ mắc mới, bệnh đái tháo đường được chẩn đoán, 2021**	620.000	...	...	...	...	...	...
Tử vong, 2023§, (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	54.665 (57,4%)¶ (28,4 trên 100.000)	35.704 (25,7 trên 100.000)	8799 (48,3 trên 100.000)	6898 (32,4 trên 100.000)	1965# (20,1 trên 100.000)	...	...
Tất cả các ca CVD							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	68,7 triệu (53,7%)	52,8%	63,0%	53,2%	48,6%	...	...
Tử vong, 2023§, (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	482.719 (52,7%)¶ (263,0 trên 100.000)	361.623 (268,6 trên 100.000)	63.120 (360,1 trên 100.000)	36.512 (188,7 trên 100.000)	13.627# (142,8 trên 100.000)	...	...
Đột quỵ							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	4,7 triệu (3,3%)	3,5%	3,9%	3,5%	3,9%	...	...
Đột quỵ mới và tái phát, 1999§	370,0 nghìn (46,5%)¶	325,0 nghìn††	45,0 nghìn††	...	...	...	...
Tử vong, 2023§ (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	70.920 (43,6%)¶ (39,3 trên 100.000)	50.399 (37,7 trên 100.000)	10.246 (61,2 trên 100.000)	6564 (35,3 trên 100.000)	2753# (29,0 trên 100.000)	...	...

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.
©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Tổng số nam	Nam giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha	Nam giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha	Nam giới gốc Tây Ban Nha	Nam giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha	Nam giới người Mỹ bản địa/người bản địa Alaska không phải gốc Tây Ban Nha [†]	Nam giới người Hawaii bản địa hoặc người đảo Thái Bình Dương không phải gốc Tây Ban Nha [*]
CHD							
Tỷ lệ hiện mắc, CHD, 2021–2023 [†]	9,9 triệu (6,9%)	7,6%	5,0%	5,6%	4,4%	...	...
Tỷ lệ hiện mắc, MI, 2021–2023 [†]	5,7 triệu (3,8%)	4,4%	3,2%	3,0%	1,5%	...	...
Tỷ lệ tử vong, 2023, CHD [§] (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	212.218 (60,7%) [¶] (113,5 trên 100.000)	162.908 (119,0 trên 100.000)	23.446 (131,5 trên 100.000)	16.095 (81,9 trên 100.000)	6138 (63,4 trên 100.000)	...	...
Tỷ lệ tử vong, 2023, MIS, (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	56.429 (60,5%) [¶] (29,5 trên 100.000)	43.444 (31,2 trên 100.000)	6145 (34,1 trên 100.000)	4351 (21,7 trên 100.000)	1650 [#] (16,9 trên 100.000)	...	...
HF							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023 [†]	4,3 triệu (3,0%)	3,0%	3,6%	2,3%	1,3%	...	...
Tử vong, 2023 [§] , (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	43.101 (48,0%) [¶] (24,6 trên 100.000)	33.979 (26,0 trên 100.000)	5207 (31,9 trên 100.000)	2561 (15,1 trên 100.000)	869 [#] (9,6 trên 100.000)	...	...

BMI là chỉ số khối cơ thể; CHD là bệnh tim mạch vành (bao gồm nhồi máu cơ tim, đau thắt ngực hoặc cả hai); CVD là bệnh tim mạch; dấu ba chấm (...), dữ liệu không có sẵn; HBP là cao huyết áp; HDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ cao; HF là suy tim; LDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ thấp; MI là nhồi máu cơ tim (đau tim); NH là người không phải gốc Tây Ban Nha; và TC là tổng cholesterol.

Chú thích cuối trang được lấy từ các bảng 29-1 và 29-2 trong Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê năm 2025. Không phải tất cả các chú thích cuối trang được liệt kê bên dưới đều xuất hiện trong mỗi bảng phụ trong tờ thông tin này.

^{*}Số lượng tử vong trong Bản cập nhật số liệu thống kê được kết hợp theo giới tính đối với một số danh mục chủng tộc do số lượng trong các danh mục này thấp và do đó không có sẵn theo giới tính. Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi có sẵn theo giới tính đối với một số loại chủng tộc/dân tộc.

[†]Tuổi ≥20 tuổi.

[‡]Tổng số dữ liệu về TC dành cho người Mỹ ≥20 tuổi. Dữ liệu về LDL-C, HDL-C và tất cả các nhóm chủng tộc và dân tộc được điều chỉnh theo độ tuổi ≥20 tuổi.

[§]Mọi lứa tuổi.

^{||}Tử vong đối với người gốc Tây Ban Nha, người Mỹ bản địa hoặc người Alaska bản địa không phải gốc Tây Ban Nha (NH), người châu Á không phải gốc Tây Ban Nha (NH), và người Hawaii hoặc người dân đảo Thái Bình Dương khác không phải gốc Tây Ban Nha (NH) cần được xem xét thận trọng do sự không nhất quán trong báo cáo. Tử vong và tỷ lệ tử vong được tính theo nguyên nhân tử vong chính.

[¶]Những tỷ lệ phần trăm này đại diện cho phần tổng tỷ lệ mới mắc hoặc tỷ lệ tử vong giữa nam và nữ.

[#]Bao gồm người Trung Quốc, người Philippines, người Nhật và người châu Á khác.

^{**}Tuổi ≥18 tuổi.

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.

©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Nữ giới theo tổng số và cá nhân chủng tộc và dân tộc

Lưu ý: Số lượng tử vong trong Bản cập nhật số liệu thống kê được kết hợp giữa nam và nữ đối với các nhóm người Mỹ bản địa không phải gốc Tây Ban Nha/người bản địa Alaska và người Hawaii bản địa không phải gốc Tây Ban Nha hoặc người dân đảo Thái Bình Dương. Vì vậy, họ không được đưa vào dữ liệu về tỷ lệ tử vong theo giới tính dưới đây.

Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi không được đưa vào cho mọi chủ đề hoặc cho mọi nhóm chủng tộc trong Bản cập nhật số liệu thống kê.

Các bảng dưới đây chỉ phản ánh nội dung được công bố trong Bản cập nhật số liệu thống kê. Bạn có thể tìm thêm thông tin về số lượng và tỷ lệ tử vong trên [CDC WONDER](#) (trang web bằng Tiếng Anh).

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Tổng số nữ	Nữ giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới gốc Tây Ban Nha	Nữ giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới người Mỹ bản địa/người bản địa Alaska* không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới người Hawaii bản địa hoặc người đảo Thái Bình Dương* không phải gốc Tây Ban Nha
Thừa cân và béo phì							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023							
Béo phì, BMI ≥30,0 kg/m ^{2†}	41,4%	...	...	...	...	...	...
Cholesterol máu							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023							
TC ≥200 mg/dL*	48,9 triệu (37,1%)	39,7%	24,9%	33,9%	41,3%	...	...
TC ≥240 mg/dL*	15,3 triệu (11,3%)	12,9%	5,7%	9,1%	13,7%	...	...
HDL-C <40 mg/dL*	8,5 triệu (6,8%)	6,2%	4,4%	9,7%	3,6%	...	
Tỷ lệ hiện mắc, 2017–2020							
LDL-C ≥130 mg/dL*	32,8 triệu (25,4%)	24,0%	22,5%	27,5%	25,3%	...	...
Cao huyết áp							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023*	60,3 triệu (42,9%)	42,2%	59,2%	37,3%	39,5%	...	...
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	68.015 (51,2%) [¶] (28,3 trên 100.000)	49.500 (27,7 trên 100.000)	10.689 (44,7 trên 100.000)	4788 (20,6 trên 100.000)	2076 [#] (16,2 trên 100.000)	...	...

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Tổng số nữ	Nữ giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới gốc Tây Ban Nha	Nữ giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới người Mỹ bản địa/người bản địa Alaska* không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới người Hawaii bản địa hoặc người đảo Thái Bình Dương* không phải gốc Tây Ban Nha
Đái tháo đường							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023							
Bệnh đái tháo đường được chẩn đoán†	14,5 triệu (10,0%)	7,9%	16,7%	14,3%	8,9%	...	...
Bệnh đái tháo đường chưa được chẩn đoán†	4,2 triệu (2,9%)	1,9%	5,3%	4,1%	4,0%	...	...
Tiền đái tháo đường†	42,4 triệu (31,7%)	35,0%	23,1%	30,4%	32,2%	...	...
Tỷ lệ mắc mới, bệnh đái tháo đường được chẩn đoán, 2021**	591.000	...	...	...	...	...	...
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	40.525 (42,6%) [¶] (17,3 trên 100.000)	24.701 (14,8 trên 100.000)	7893 (32,1 trên 100.000)	5164 (20,9 trên 100.000)	1743* (13,7 trên 100.000)	...	...
Tất cả các ca CVD							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	61,9 triệu (44,1%)	43,5%	59,5%	38,6%	40,7%	...	...
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	433.254 (47,3%) [¶] (180,2 trên 100.000)	328.155 (184,8 trên 100.000)	56.771 (236,5 trên 100.000)	30.067 (129,0 trên 100.000)	12.738* (99,8 trên 100.000)	...	...
Đột quỵ							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	4,3 triệu (2,6%)	2,1%	4,7%	3,8%	0,7%	...	...
Đột quỵ mới và tái phát, 1999 [§]	425,0 nghìn (53,5%) [¶]	365,0 nghìn ^{††}	60,0 nghìn ^{††}	...	...	...	...
Tử vong, 2023 [§] (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	91.719 (56,4%) [¶] (38,1 trên 100.000)	67.564 (37,8 trên 100.000)	12.101 (51,0 trên 100.000)	7514 (32,5 trên 100.000)	3475* (27,3 trên 100.000)	...	...

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.

©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Tổng số nữ	Nữ giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới gốc Tây Ban Nha	Nữ giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới người Mỹ bản địa/người bản địa Alaska* không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới người Hawaii bản địa hoặc người đảo Thái Bình Dương* không phải gốc Tây Ban Nha
CHD							
Tỷ lệ hiện mắc, CHD, 2021–2023†	6,0 triệu (3,7%)	4,1%	2,8%	3,2%	3,1%	...	...
Tỷ lệ hiện mắc, MI, 2021–2023†	2,8 triệu (1,6%)	1,5%	2,2%	1,5%	1,5%	...	...
Tỷ lệ tử vong, 2023, CHD§ (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	137.252 (39,3%)¶ (56,8 trên 100.000)	104.145 (58,7 trên 100.000)	17.009 (70,0 trên 100.000)	10.024 (42,9 trên 100.000)	4098 (32,0 trên 100.000)	...	...
Tỷ lệ tử vong, 2023, MIS, (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	39.916 (39,5%)¶ (15,4 trên 100.000)	27.831 (16,0 trên 100.000)	4665 (19,0 trên 100.000)	2836 (12,0 trên 100.000)	1107# (8,7 trên 100.000)	...	...
HF							
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	3,4 triệu (2,1%)	1,9%	3,5%	2,2%	0,9%	...	...
Tử vong, 2023§, (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	46.694 (52,0%)¶ (19,1 trên 100.000)	37.441 (20,5 trên 100.000)	5250 (22,1 trên 100.000)	2652 (11,7 trên 100.000)	975 (7,6 trên 100 000)#	...	...

BMI là chỉ số khối cơ thể; CHD là bệnh tim mạch vành (bao gồm nhồi máu cơ tim, đau thắt ngực hoặc cả hai); CVD là bệnh tim mạch; dấu ba chấm (...), dữ liệu không có sẵn; HBP là cao huyết áp; HDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ cao; HF là suy tim; LDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ thấp; MI là nhồi máu cơ tim (đau tim); NH là người không phải gốc Tây Ban Nha; và TC là tổng cholesterol. Chú thích cuối trang được lấy từ các bảng 29-1 và 29-2 trong Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê năm 2025. Không phải tất cả các chú thích cuối trang được liệt kê bên dưới đều xuất hiện trong mỗi bảng phụ trong tờ thông tin này.

*Số lượng tử vong trong Bản cập nhật số liệu thống kê được kết hợp theo giới tính đối với một số danh mục chủng tộc do số lượng trong các danh mục này thấp và do đó không có sẵn theo giới tính. Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi có sẵn theo giới tính đối với một số loại chủng tộc và dân tộc.

†Tuổi ≥20 tuổi.

*Tổng số dữ liệu về TC dành cho người Mỹ ≥20 tuổi. Dữ liệu về LDL-C, HDL-C và tất cả các nhóm chủng tộc và dân tộc được điều chỉnh theo độ tuổi ≥20 tuổi.

§Mọi lứa tuổi.

||Tử vong đối với người gốc Tây Ban Nha, người Mỹ bản địa hoặc người Alaska bản địa không phải gốc Tây Ban Nha (NH), người châu Á không phải gốc Tây Ban Nha (NH), và người Hawaii hoặc người dân đảo Thái Bình Dương khác không phải gốc Tây Ban Nha (NH) cần được xem xét thận trọng do sự không nhất quán trong báo cáo. Tử vong và tỷ lệ tử vong được tính theo nguyên nhân tử vong chính.

¶Những tỷ lệ phần trăm này đại diện cho phần tổng tỷ lệ mới mắc hoặc tỷ lệ tử vong giữa nam và nữ.

#Bao gồm người Trung Quốc, người Philippines, người Nhật và người châu Á khác.

**Tuổi ≥18 tuổi.

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.

©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Chủng tộc và dân tộc cá nhân theo nam và nữ

Người da trắng không phải gốc Tây Ban Nha theo nam và nữ

Lưu ý:

Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi không được đưa vào cho mọi chủ đề hoặc cho mọi nhóm chủng tộc trong Bản cập nhật số liệu thống kê.

Các bảng dưới đây chỉ phản ánh nội dung được công bố trong Bản cập nhật số liệu thống kê. Bạn có thể tìm thêm thông tin về số lượng và tỷ lệ tử vong trên [CDC WONDER](#) (trang web bằng Tiếng Anh).

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha
Thừa cân và béo phì		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023		
Béo phì, BMI ≥30,0 kg/m ²⁺	...	...
Cholesterol máu		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023		
TC ≥200 mg/dL [†]	34,8%	39,7%
TC ≥240 mg/dL [†]	10,9%	12,9%
HDL-C <40 mg/dL [†]	21,4%	6,2%
Tỷ lệ hiện mắc, 2017–2020		
LDL-C ≥130 mg/dL [†]	25,0%	24,0%
Cao huyết áp		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023 [†]	50,4%	42,2%
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	44.828 (33,8 trên 100.000)	49.500 (27,7 trên 100 000)

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.
©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha
Đái tháo đường		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023		
Bệnh đái tháo đường được chẩn đoán†	9,9%	7,9%
Bệnh đái tháo đường chưa được chẩn đoán†	3,7%	1,9%
Tiền đái tháo đường†	40,8%	35,0%
Tử vong, 2023 ^{s,II} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023 ^{II})	35.704 (25,7 trên 100.000)	24.701 (14,8 trên 100.000)
Tất cả các ca CVD		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	52,8%	43,5%
Tử vong, 2023 ^{s,II} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023 ^{II})	361.623 (268,6 trên 100.000)	328.155 (184,8 trên 100.000)
Đột quỵ		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	3,5%	2,1%
Đột quỵ mới và tái phát, 1999 ^s	325,0 nghìn ⁺⁺	365,0 nghìn ⁺⁺
Tử vong, 2023 ^s (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023 ^{II})	50.399 (37,7 trên 100.000)	67.564 (37,8 trên 100.000)

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.
©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới da trắng không phải gốc Tây Ban Nha
CHD		
Tỷ lệ hiện mắc, CHD, 2021–2023 [†]	7,6%	4,1%
Tỷ lệ hiện mắc, MI, 2021–2023 [†]	4,4%	1,5%
Tỷ lệ tử vong, 2023, CHD ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	162.908 (119,0 trên 100.000)	104.145 (58,7 trên 100.000)
Tỷ lệ tử vong, 2023, MI ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	43.444 (31,2 trên 100.000)	27.831 (16,0 trên 100.000)
HF		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023 [†]	3,0%	1,9%
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	33.979 (26,0 trên 100.000)	37.441 (20,5 trên 100.000)

BMI là chỉ số khối cơ thể; CHD là bệnh tim mạch vành (bao gồm nhồi máu cơ tim, đau thắt ngực hoặc cả hai); CVD là bệnh tim mạch; dấu ba chấm (...), dữ liệu không có sẵn; HBP là cao huyết áp; HDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ cao; HF là suy tim; LDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ thấp; MI là nhồi máu cơ tim (đau tim); NH là người không phải gốc Tây Ban Nha; và TC là tổng cholesterol.

Chú thích cuối trang được lấy từ các bảng 29-1 và 29-2 trong Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê năm 2025. Không phải tất cả các chú thích cuối trang được liệt kê bên dưới đều xuất hiện trong mỗi bảng phụ trong tờ thông tin này.

[†]Số lượng tử vong trong Bản cập nhật số liệu thống kê được kết hợp theo giới tính đối với một số danh mục chủng tộc do số lượng trong các danh mục này thấp và do đó không có sẵn theo giới tính. Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi có sẵn theo giới tính đối với một số loại chủng tộc và dân tộc.

[‡]Tuổi ≥20 tuổi.

[†]Tổng số dữ liệu về TC dành cho người Mỹ ≥20 tuổi. Dữ liệu về LDL-C, HDL-C và tất cả các nhóm chủng tộc và dân tộc được điều chỉnh theo độ tuổi ≥20 tuổi.

[§]Mọi lứa tuổi.

^{||}Tử vong đối với người gốc Tây Ban Nha, người Mỹ bản địa hoặc người Alaska bản địa không phải gốc Tây Ban Nha (NH), người châu Á không phải gốc Tây Ban Nha (NH), và người Hawaii hoặc người dân đảo Thái Bình Dương khác không phải gốc Tây Ban Nha (NH) cần được xem xét thận trọng do sự không nhất quán trong báo cáo. Tử vong và tỷ lệ tử vong được tính theo nguyên nhân tử vong chính.

[¶]Những tỷ lệ phần trăm này đại diện cho phần tổng tỷ lệ mới mắc hoặc tỷ lệ tử vong giữa nam và nữ.

[#]Bao gồm người Trung Quốc, người Philippines, người Nhật và người châu Á khác.

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.

©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Người da đen không phải gốc Tây Ban Nha theo nam và nữ

Lưu ý:

Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi không được đưa vào cho mọi chủ đề hoặc cho mọi nhóm chủng tộc trong Bản cập nhật số liệu thống kê.

Các bảng dưới đây chỉ phản ánh nội dung được công bố trong Bản cập nhật số liệu thống kê. Bạn có thể tìm thêm thông tin về số lượng và tỷ lệ tử vong trên [CDC WONDER](#) (trang web bằng Tiếng Anh).

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha
Thừa cân và béo phì		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023		
Béo phì, BMI $\geq 30,0$ kg/m ^{2†}	...	...
Cholesterol máu		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023		
TC ≥ 200 mg/dL [‡]	32,0%	24,9%
TC ≥ 240 mg/dL [‡]	10,2%	5,7%
HDL-C < 40 mg/dL [‡]	19,4%	4,4%
Tỷ lệ hiện mắc, 2017–2020		
LDL-C ≥ 130 mg/dL [‡]	26,4%	22,5%
Cao huyết áp		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023 [†]	62,3%	59,2%
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	11.549 (65,0 trên 100.000)	10.689 (44,7 trên 100.000)

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.

©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha
Đái tháo đường		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023		
Bệnh đái tháo đường được chẩn đoán†	17,9%	16,7%
Bệnh đái tháo đường chưa được chẩn đoán†	5,4%	5,3%
Tiền đái tháo đường†	35,2%	23,1%
Tử vong, 2023 ^{s,II} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023 ^{II})	8799 (48,3 trên 100.000)	7893 (32,1 trên 100.000)
Tất cả các ca CVD		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	63,0%	59,5%
Tử vong, 2023 ^{s,II} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023 ^{II})	63.120 (360,1 trên 100.000)	56.771 (236,5 trên 100.000)
Đột quỵ		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	3,9%	4,7%
Đột quỵ mới và tái phát, 1999 ^s	45,0 nghìn ⁺⁺	60,0 nghìn ⁺⁺
Tử vong, 2023 ^s (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023 ^{II})	10.246 (61,2 trên 100.000)	12.101 (51,0 trên 100.000)

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.
©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới da đen không phải gốc Tây Ban Nha
CHD		
Tỷ lệ hiện mắc, CHD, 2021-2023 [†]	5,0%	2,8%
Tỷ lệ hiện mắc, MI, 2021-2023 [†]	3,2%	2,2%
Tỷ lệ tử vong, 2023, CHD ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	23.446 (131,5 trên 100.000)	17.009 (70,0 trên 100.000)
Tỷ lệ tử vong, 2023, MIS, (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	6145 (34,1 trên 100.000)	4665 (19,0 trên 100.000)
HF		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023 [†]	3,6%	3,5%
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	5207 (31,9 trên 100.000)	5250 (22,1 trên 100.000)

BMI là chỉ số khối cơ thể; CHD là bệnh tim mạch vành (bao gồm nhồi máu cơ tim, đau thắt ngực hoặc cả hai); CVD là bệnh tim mạch; dấu ba chấm (...), dữ liệu không có sẵn; HBP là cao huyết áp; HDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ cao; HF là suy tim; LDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ thấp; MI là nhồi máu cơ tim (đau tim); NH là người không phải gốc Tây Ban Nha; và TC là tổng cholesterol.

Chú thích cuối trang được lấy từ các bảng 29-1 và 29-2 trong Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê năm 2025. Không phải tất cả các chú thích cuối trang được liệt kê bên dưới đều xuất hiện trong mỗi bảng phụ trong tờ thông tin này.

*Số lượng tử vong trong Bản cập nhật số liệu thống kê được kết hợp theo giới tính đối với một số danh mục chủng tộc do số lượng trong các danh mục này thấp và do đó không có sẵn theo giới tính. Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi có sẵn theo giới tính đối với một số loại chủng tộc và dân tộc.

[†]Tuổi ≥20 tuổi.

[‡]Tổng số dữ liệu về TC dành cho người Mỹ ≥20 tuổi. Dữ liệu về LDL-C, HDL-C và tất cả các nhóm chủng tộc và dân tộc được điều chỉnh theo độ tuổi ≥20 tuổi.

[§]Mọi lứa tuổi.

^{||}Tử vong đối với người gốc Tây Ban Nha, người Mỹ bản địa hoặc người Alaska bản địa không phải gốc Tây Ban Nha (NH), người châu Á không phải gốc Tây Ban Nha (NH), và người Hawaii hoặc người dân đảo Thái Bình Dương khác không phải gốc Tây Ban Nha (NH) cần được xem xét thận trọng do sự không nhất quán trong báo cáo. Tử vong và tỷ lệ tử vong được tính theo nguyên nhân tử vong chính.

[¶]Những tỷ lệ phần trăm này đại diện cho phần tổng tỷ lệ mới mắc hoặc tỷ lệ tử vong giữa nam và nữ.

[#]Bao gồm người Trung Quốc, người Philippines, người Nhật và người châu Á khác.

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.

©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Người gốc Tây Ban Nha theo nam và nữ

Lưu ý:

Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi không được đưa vào cho mọi chủ đề hoặc cho mọi nhóm chủng tộc trong Bản cập nhật số liệu thống kê.

Các bảng dưới đây chỉ phản ánh nội dung được công bố trong Bản cập nhật số liệu thống kê. Bạn có thể tìm thêm thông tin về số lượng và tỷ lệ tử vong trên [CDC WONDER](#) (trang web bằng Tiếng Anh).

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới gốc Tây Ban Nha	Nữ giới gốc Tây Ban Nha
Thừa cân và béo phì		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023		
Béo phì, BMI ≥30,0 kg/m ²⁺	...	...
Cholesterol máu		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023		
TC ≥200 mg/dL [‡]	36,7%	33,9%
TC ≥240 mg/dL [‡]	11,9%	9,1%
HDL-C <40 mg/dL [‡]	20,8%	9,7%
Tỷ lệ hiện mắc, 2017-2020		
LDL-C ≥130 mg/dL [‡]	23,7%	27,5%
Cao huyết áp		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023 [†]	51,5%	37,3%
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	5291 (27,2 trên 100.000)	4788 (20,6 trên 100.000)

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.

©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới gốc Tây Ban Nha	Nữ giới gốc Tây Ban Nha
Đái tháo đường		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023		
Bệnh đái tháo đường được chẩn đoán [†]	11,7%	14,3%
Bệnh đái tháo đường chưa được chẩn đoán [†]	4,2%	4,1%
Tiền đái tháo đường [†]	51,3%	30,4%
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	6898 (32,4 trên 100.000)	5164 (20,9 trên 100.000)
Tất cả các ca CVD		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023 [†]	53,2%	38,6%
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	36.512 (188,7 trên 100.000)	30.067 (129,0 trên 100.000)
Đột quỵ		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023 [†]	3,5%	3,8%
Tử vong, 2023 [§] (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	6564 (35,3 trên 100.000)	7514 (32,5 trên 100.000)

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.
©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới gốc Tây Ban Nha	Nữ giới gốc Tây Ban Nha
CHD		
Tỷ lệ hiện mắc, CHD, 2021–2023 [†]	5,6%	3,2%
Tỷ lệ hiện mắc, MI, 2021–2023 [†]	3,0%	1,5%
Tỷ lệ tử vong, 2023, CHD ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	16.095 (81,9 trên 100.000)	10.024 (42,9 trên 100.000)
Tỷ lệ tử vong, 2023, MI ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	4351 (21,7 trên 100.000)	2836 (12,0 trên 100.000)
HF		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023 [†]	2,3%	2,2%
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	2561 (15,1 trên 100.000)	2652 (11,7 trên 100.000)

BMI là chỉ số khối cơ thể; CHD là bệnh tim mạch vành (bao gồm nhồi máu cơ tim, đau thắt ngực hoặc cả hai); CVD là bệnh tim mạch; dấu ba chấm (...), dữ liệu không có sẵn; HBP là cao huyết áp; HDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ cao; HF là suy tim; LDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ thấp; MI là nhồi máu cơ tim (đau tim); NH là người không phải gốc Tây Ban Nha; và TC là tổng cholesterol.

Chú thích cuối trang được lấy từ các bảng 29-1 và 29-2 trong Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê năm 2025. Không phải tất cả các chú thích cuối trang được liệt kê bên dưới đều xuất hiện trong mỗi bảng phụ trong tờ thông tin này.

*Số lượng tử vong trong Bản cập nhật số liệu thống kê được kết hợp theo giới tính đối với một số danh mục chủng tộc do số lượng trong các danh mục này thấp và do đó không có sẵn theo giới tính. Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi có sẵn theo giới tính đối với một số loại chủng tộc và dân tộc.

[†]Tuổi ≥20 tuổi.

[‡]Tổng số dữ liệu về TC dành cho người Mỹ ≥20 tuổi. Dữ liệu về LDL-C, HDL-C và tất cả các nhóm chủng tộc và dân tộc được điều chỉnh theo độ tuổi ≥20 tuổi.

[§]Mọi lứa tuổi.

^{||}Tử vong đối với người gốc Tây Ban Nha, người Mỹ bản địa hoặc người Alaska bản địa không phải gốc Tây Ban Nha (NH), người châu Á không phải gốc Tây Ban Nha (NH), và người Hawaii hoặc người dân đảo Thái Bình Dương khác không phải gốc Tây Ban Nha (NH) cần được xem xét thận trọng do sự không nhất quán trong báo cáo. Tử vong và tỷ lệ tử vong được tính theo nguyên nhân tử vong chính.

[¶]Những tỷ lệ phần trăm này đại diện cho phần tổng tỷ lệ mới mắc hoặc tỷ lệ tử vong giữa nam và nữ.

[#]Bao gồm người Trung Quốc, người Philippines, người Nhật và người châu Á khác.

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.

©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Người châu Á không phải gốc Tây Ban Nha theo nam và nữ

Lưu ý:

Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi không được đưa vào cho mọi chủ đề hoặc cho mọi nhóm chủng tộc trong Bản cập nhật số liệu thống kê.

Các bảng dưới đây chỉ phản ánh nội dung được công bố trong Bản cập nhật số liệu thống kê. Bạn có thể tìm thêm thông tin về số lượng và tỷ lệ tử vong trên [CDC WONDER](#) (trang web bằng Tiếng Anh).

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha
Thừa cân và béo phì		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023		
Béo phì, BMI ≥30,0 kg/m ^{2†}	...	...
Cholesterol máu		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023		
TC ≥200 mg/dL [‡]	43,6%	41,3%
TC ≥240 mg/dL [‡]	14,2%	13,7%
HDL-C <40 mg/dL [‡]	17,4%	3,6%
Tỷ lệ hiện mắc, 2017–2020		
LDL-C ≥130 mg/dL [‡]	31,5%	25,3%
Cao huyết áp		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023 [†]	47,3%	39,5%
Tử vong, 2023 ^{§,} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023)	1871 [#] (19,9 trên 100.000)	2076 [#] (16,2 trên 100.000)

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.
©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha
Đái tháo đường		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021-2023		
Bệnh đái tháo đường được chẩn đoán†	11,1%	8,9%
Bệnh đái tháo đường chưa được chẩn đoán†	4,9%	4,0%
Tiền đái tháo đường†	40,3%	32,2%
Tử vong, 2023 ^{s,II} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023 ^{II})	1965 [#] (20,1 trên 100.000)	1743 [#] (13,7 trên 100.000)
Tất cả các ca CVD		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	48,6%	40,7%
Tử vong, 2023 ^{s,II} (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023 ^{II})	13.627 [#] (142,8 trên 100.000)	12.738 [#] (99,8 trên 100.000)
Đột quỵ		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023†	3,9%	0,7%
Tử vong, 2023 ^s (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo tuổi, 2023 ^{II})	2753 [#] (29,0 trên 100.000)	3475 [#] (27,3 trên 100.000)

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.
©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Bản cập nhật số liệu thống kê năm 2026 – Tờ thông tin về giới tính, chủng tộc, dân tộc và bệnh tim mạch tại Hoa Kỳ

Bệnh tật và các yếu tố nguy cơ	Nam giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha	Nữ giới châu Á không phải gốc Tây Ban Nha
CHD		
Tỷ lệ hiện mắc, CHD, 2021–2023 [†]	4,4%	3,1%
Tỷ lệ hiện mắc, MI, 2021–2023 [†]	1,5%	1,5%
Tỷ lệ tử vong, 2023, CHD [§] (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	6138 (63,4 trên 100.000)	4098 (32,0 trên 100.000)
Tỷ lệ tử vong, 2023, MI [§] , (Tỷ lệ tử vong, đã điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	1650 [#] (16,9 trên 100.000)	1107 [#] (8,7 trên 100.000)
HF		
Tỷ lệ hiện mắc, 2021–2023 [†]	1,3%	0,9%
Tử vong, 2023 [§] , (Tỷ lệ tử vong, điều chỉnh theo độ tuổi, 2023)	869 [#] (9,6 trên 100.000)	975 [#] (7,6 trên 100.000)

BMI là chỉ số khối cơ thể; CHD là bệnh tim mạch vành (bao gồm nhồi máu cơ tim, đau thắt ngực hoặc cả hai); CVD là bệnh tim mạch; dấu ba chấm (...), dữ liệu không có sẵn; HBP là cao huyết áp; HDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ cao; HF là suy tim; LDL-C là cholesterol lipoprotein mật độ thấp; MI là nhồi máu cơ tim (đau tim); NH là người không phải gốc Tây Ban Nha; và TC là tổng cholesterol.

Chú thích cuối trang được lấy từ các bảng 29-1 và 29-2 trong Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê năm 2025. Không phải tất cả các chú thích cuối trang được liệt kê bên dưới đều xuất hiện trong mỗi bảng phụ trong tờ thông tin này.

^{*}Số lượng tử vong trong Bản cập nhật số liệu thống kê được kết hợp theo giới tính đối với một số danh mục chủng tộc do số lượng trong các danh mục này thấp và do đó không có sẵn theo giới tính. Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản được điều chỉnh theo độ tuổi có sẵn theo giới tính đối với một số loại chủng tộc và dân tộc.

[†]Tuổi ≥20 tuổi.

[‡]Tổng số dữ liệu về TC dành cho người Mỹ ≥20 tuổi. Dữ liệu về LDL-C, HDL-C và tất cả các nhóm chủng tộc và dân tộc được điều chỉnh theo độ tuổi ≥20 tuổi.

[§]Mọi lứa tuổi.

^{||}Tử vong đối với người gốc Tây Ban Nha, người Mỹ bản địa hoặc người Alaska bản địa không phải gốc Tây Ban Nha (NH), người châu Á không phải gốc Tây Ban Nha (NH), và người Hawaii hoặc người dân đảo Thái Bình Dương khác không phải gốc Tây Ban Nha (NH) cần được xem xét thận trọng do sự không nhất quán trong báo cáo. Tử vong và tỷ lệ tử vong được tính theo nguyên nhân tử vong chính.

[¶]Những tỷ lệ phần trăm này đại diện cho phần tổng tỷ lệ mới mắc hoặc tỷ lệ tử vong giữa nam và nữ.

[#]Bao gồm người Trung Quốc, người Philippines, người Nhật và người châu Á khác.

Tất cả số liệu thống kê trong tài liệu này đều liên quan đến Hoa Kỳ. Vui lòng xem Bản cập nhật số liệu thống kê hoàn thiện về mã ICD-10, để tham khảo và biết thêm thông tin về số liệu thống kê được báo cáo.

©2026 American Heart Association, Inc. Bảo lưu mọi quyền. Cấm sử dụng khi chưa được phép.

Người Mỹ bản địa/người Alaska bản địa không phải gốc Tây Ban Nha, không có thông tin theo nam và nữ

Lưu ý:

Số lượng tử vong trong Bản cập nhật số liệu thống kê được kết hợp giữa nam và nữ đối với các nhóm người Mỹ bản địa không phải gốc Tây Ban Nha/người bản địa Alaska và người Hawaii bản địa không phải gốc Tây Ban Nha hoặc người dân đảo Thái Bình Dương. Do đó, chúng không có trong các bảng này.

Dữ liệu về tỷ lệ hiện mắc của NHANES không có sẵn cho các nhóm người Mỹ bản địa/người Alaska bản địa không phải gốc Tây Ban Nha (NH) và người Hawaii bản địa hoặc người dân đảo Thái Bình Dương không phải gốc Tây Ban Nha (NH). Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản đã được điều chỉnh theo độ tuổi không được bao gồm cho mọi chủ đề hoặc mọi nhóm chủng tộc trong Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê.

Bạn có thể tìm thêm thông tin về số lượng và tỷ lệ tử vong trên [CDC WONDER](#) (trang web bằng Tiếng Anh).

Người Hawaii bản địa hoặc người dân đảo Thái Bình Dương không phải gốc Tây Ban Nha, không có thông tin theo nam và nữ

Lưu ý:

Số lượng tử vong trong Bản cập nhật số liệu thống kê được kết hợp giữa nam và nữ đối với các nhóm người Mỹ bản địa không phải gốc Tây Ban Nha/người bản địa Alaska và người Hawaii bản địa không phải gốc Tây Ban Nha hoặc người dân đảo Thái Bình Dương. Do đó, chúng không có trong các bảng này.

Dữ liệu về tỷ lệ hiện mắc của NHANES không có sẵn cho các nhóm người Mỹ bản địa/người Alaska bản địa không phải gốc Tây Ban Nha (NH) và người Hawaii bản địa hoặc người dân đảo Thái Bình Dương không phải gốc Tây Ban Nha (NH). Tỷ lệ tử vong do nguyên nhân cơ bản đã được điều chỉnh theo độ tuổi không được bao gồm cho mọi chủ đề hoặc mọi nhóm chủng tộc trong Tờ thông tin cập nhật số liệu thống kê.

Bạn có thể tìm thêm thông tin về số lượng và tỷ lệ tử vong trên [CDC WONDER](#) (trang web bằng Tiếng Anh).

Trích dẫn và ghi chú bổ sung

Có thể tải xuống các tờ thông tin, đồ họa thông tin và ấn phẩm Cập nhật số liệu thống kê hiện tại/trước đây trên trang web:

[Heart and Stroke Association Statistics | American Heart Association](#) (trang web bằng Tiếng Anh).

Nhiều số liệu thống kê trong tờ thông tin này được lấy từ các bảng biểu chưa công bố, được biên soạn cho tài liệu Cập nhật số liệu thống kê và có thể trích dẫn bằng cách sử dụng thông tin trích dẫn tài liệu được nêu bên dưới. Tài liệu đầy đủ có liệt kê nguồn dữ liệu dùng cho các bảng biểu. Ngoài ra, một số số liệu thống kê đến từ các nghiên cứu đã công bố. Nếu trích dẫn bất kỳ số liệu thống kê nào trong tờ thông tin này, vui lòng đọc kỹ tài liệu Số liệu thống kê về bệnh tim và đột quỵ bản đầy đủ để xác định các nguồn dữ liệu và nguồn trích dẫn gốc.

American Heart Association yêu cầu trích dẫn toàn bộ tài liệu như sau:

Palaniappan LP, Allen NB, Almarzooq ZI, Anderson CAM, Arora P, Avery CL, Baker-Smith CM, Bansal N, Currie ME, Earlie RS, Fan W, Fetterman JL, Barone Gibbs B, Heard DG, Hiremath S, Hong H, Hyacinth HI, Ibeh C, Jiang T, Johansen MC, Kazi DS, Ko D, Kwan TW, Leppert MH, Li Y, Magnani JW, Martin KA, Martin SS, Michos ED, Mussolino ME, Ogungbe O, Parikh NI, Perez MV, Perman SM, Sarraju A, Shah NS, Springer MV, St-Onge M-P, Thacker EL, Tierney S, Uribut SM, Van Spall HGC, Voeks JH, Whelton SP, Wong SS, Zhao J, Khan SS; thay mặt Hội đồng Dịch tễ và Phòng ngừa, Ban Thống kê, Ban Thống kê về đột quỵ của American Heart Association. Số liệu thống kê về bệnh tim và đột quỵ năm 2026: báo cáo dữ liệu toàn cầu và Hoa Kỳ từ American Heart Association. *Circulation*. Xuất bản trực tuyến ngày 21 tháng 01 năm 2026.

Mọi thắc mắc về truyền thông xin gửi tới bộ phận Quan hệ truyền thông báo chí theo địa chỉ <http://newsroom.heart.org/newsmedia/contacts> (trang web bằng Tiếng Anh).